

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2024
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;
- Ông Lương Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1967; thường trú: Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1966; thường trú: Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2023 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà A và ông Nguyễn Ngọc T có quan hệ tình cảm yêu đương từ năm 1983, do gia đình ngăn cản chuyện tình cảm nên bà A và ông T cùng nhau đi nơi khác cùng sinh sống với nhau từ khoảng tháng 5 năm 1986, sau đó quay về phường T, thành phố B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến nay vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Ông T thường xuyên đánh đập vợ, chửi mắng hành hạ bà A. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông T có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh B, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Ngọc T trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung, về hình thức kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn.

Ông T và bà A chung sống vợ chồng với nhau từ tháng 5 năm 1986 đến nay. Ông T cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà A có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài xã hội. Ông T nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hòa hợp nữa. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà A thì ông T không đồng ý ly hôn, lý do là ông T muốn giải quyết tài sản chung cho thỏa mãn rồi mới ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông T có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh B, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm tài liệu hay chứng cứ nào khác.

Bị đơn trình bày: Không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà A. Ông T chỉ đồng ý ly hôn khi bà A giải quyết thỏa đáng về tài sản cho ông T.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Căn cứ vào Điều 14, 87, 98, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T hiện đang cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát.

[2] Tòa án nhận định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà A và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện sống chung từ tháng 5 năm 1986, nhưng không đăng ký kết hôn, như vậy căn cứ theo Điều 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì đây thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Các bên đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Bà A yêu cầu ly hôn ông T, tuy nhiên ông T không đồng ý ly hôn vì muốn giải quyết thỏa đáng về tài sản mới đồng ý ly hôn.

[2.2] Kết quả xác minh ngày 09/4/2024 thể hiện: Bà A và ông T có đăng ký thường trú tại khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa phương không biết nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn dẫn tới tranh chấp về ly hôn giữa bà A và ông T.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cũng đã vận động, hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng không thành nên giải quyết cho các bên ly hôn để trả tự do cho nhau.

[2.4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông T có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh B, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T về việc “tranh chấp ly hôn”.

Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh B, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp tại Biên lai thu số 0002338 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSNDTP. Bến Cát;
- Chi cục THADS tp. Bến Cát;
- UBND p. Tân Định, tp. Bến Cát;
- Đương sự;
- Lưu: VT,
- HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương